TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 54/2019/HNGĐ.ST
Ngày: 06 - 9 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tú Anh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ
- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
(không thuộc trường hợp tham tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 134/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị Ngọc T**, sinh năm 1981 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ 10, ấp T P, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Ông **Mạc Thành H**, sinh năm 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 10, ấp T P, xã T T, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/6/2019 nguyên đơn chị Hồ Thị Ngọc T trình bày: Chị và anh Mạc Thành H qua tìm hiểu đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T vào ngày 26/12/2002, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm trong lời nói và trong sinh hoạt, anh H không lo làm ăn, rược chè cờ bạc và hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi mắn và đánh chị, chị đã nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ. Vợ chồng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi, mâu thuẫn xảy ra đã trầm trọng nên không thể hàn gắn. Quá trình chung sống, chị và anh H có hai con chung tên là Mạc Thị Mộng Ng (sinh ngày 29/11/2004), Mạc Thành N (sinh ngày 04/9/2014). Về nợ chung và tài sản: Chị và anh H không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh H, được nuôi 02 con chung, chưa yêu cầu anh H phải cấp dưỡng. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H xảy ra đã lâu, anh H thường xuyên uống rượu và quậy phá gia đình, không còn quan tâm đến vợ con, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 01/2019 đến nay. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng, các con chung vẫn được đến trường. Về tài sản chung và nợ chung chưa yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Hồ Thị Ngọc T yêu cầu được ly hôn với anh Mạc Thành H, anh H có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh H đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 14/8/2019, ngày 06/9/2019 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh H là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét chị T và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã mời anh H đến hòa giải nhiều lần để vợ chồng có điều kiện hàn gắn nhưng anh H vắng

mặt, việc này thể hiện anh H đã không muốn cải thiện tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được ly hôn với anh H là có căn cứ.

[3] Xét về con chung chưa thành niên tên là Mạc Thị Mộng Ng (sinh ngày 29/11/2004), Mạc Thành N (sinh ngày 04/9/2014) hiện đang sống chung với chị T từ lúc ly thân, cuộc sống đã ổn định, các con chung được đi học, cháu Ng có nguyên vọng tiếp tục sống chung với mẹ, anh H chưa có ý kiến hay yêu cầu nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T tiếp tục chăm sóc cả 02 con chung là phù hợp. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[4] Xét về nợ chung và tài sản chung: Chị T, anh H không có tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc T.

1.1. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Mạc Thành H.

1.2. Về con chung: Công nhận cho chị T được tiếp tục nuôi hai con chung tên là Mạc Thị Mộng Ng (sinh ngày 29/11/2004) và Mạc Thành N (sinh ngày 04/9/2014). Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Hồ Thị Ngọc T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng),* số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số: 0015486 ngày 11/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã T T (h. B T): 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mười Hai